TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/**2025/DS-ST
Ngày: 08-9-2025
V/v tranh chấp: hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Chín;
2. Ông Trần Huệ;
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Dương Thế Nam – Kiểm sát viên

Trong các ngày 05 và ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2025/TLST – DS ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2025/QĐXXST - DS, ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa:
1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (VP Bank)
Địa chỉ: số 89, Láng H, phường Láng H, quận Đống Đ, TP. Hà Nội (nay là số 89, Láng H, phường Láng H, TP. Hà Nội)
Người đại diện theo pháp luật: Ngô Chí D
Người đại diện theo ủy quyền: Trương Ngọc Ph
Địa chỉ: 860, Phú Riềng Đ, phường Bình Ph, tỉnh Bình Phước (nay là 860, Phú Riềng Đ, phường Bình Ph, tỉnh Đồng Nai)
(theo văn bản ủy quyền số 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025 và văn bản ủy quyền số 6204/2025/UQ-VPB ngày 09/7/2025)
2. Bị đơn: bà Hoàng Thị T, sinh năm: 1981
Nơi cư trú: thôn 4, xã Bình M, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 4 – Bình M, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai)
(Nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bị đơn có mặt;)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2025 của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 09/6/2022, Ngân hàng có cho bà Hoàng Thị T vay số tiền là 157.500.000đ. Thời hạn vay 36 tháng. Mục đích vay: tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 39%/ năm. Khách hàng phải trả tiền lãi và trả tiền gốc định kỳ hàng tháng và được ghi nhận ở lịch trả nợ. Việc vay tiền không có thế chấp tài sản. Việc vay tiền có lập Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 15/6/2022.

Ngày 15/6/2022 bà T được giải ngân số tiền 157.500.000đ. Quá trình vay vốn, bà T đã trả định kỳ 12 tháng với tổng số tiền là 89.954.884đ (trong đó 34.107.784đ tiền vay và 55.847.100đ tiền lãi. Sau đó, bà T không thanh toán theo thỏa thuận xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền vay là 123.392.216đ và tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử và bà T tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị T trình bày:

Bà xác nhận bà có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V với số tiền là 175.000.000đ. Tuy nhiên, số tiền bà nhận được từ Ngân hàng là 150.000.000đ do đã trừ đi số tiền bảo hiểm khoản vay. Bà và Ngân hàng có ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022. Việc vay tiền không có thế chấp tài sản. Thời hạn vay 36 tháng. Định kỳ hàng tháng trả tiền gốc và tiền lãi theo lịch trả nợ mà Ngân hàng giao cho bà. Quá trình vay vốn bà đã trả được 12 tháng, mỗi tháng trả là 7.490.000đ. Sau đó do khó khăn nên bà không trả theo thỏa thuận. Nay Ngân hàng khởi kiện bà đồng ý trả số tiền gốc còn nợ lại và trả làm nhiều lần. Về tiền lãi do bà gặp khó khăn làm ăn thất bại nên bà đề nghị xem xét cho bà được miễn trả tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà giữ nguyên lời khai và ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, HĐXX thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

- Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị T trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnhsố tiền vay 123.392.216 đồng, tiền lãi tính đến nay và buộc bà Hoàng Thị T tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Trương Ngọc Ph (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) vắng mặt nhưng có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Ngọc Ph

[2] Xét: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khởi kiện bà Hoàng Thị T yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi phát sinh. Bà Hoàng Thị T không đồng ý trả tiền lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo như ghi nhận trong hợp đồng tín dụng cũng như lời khai của bà T cư trú tại thôn 4, xã Bình M, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 4 – Bình M, xã Bom B, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai)

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V yêu cầu bà Hoàng Thị T trả số tiền vay 123.392.216 đồng:

[3.1] Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V khai nhận ngày 15/6/2022 Ngân hàng và bà T ký kết Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022. Ngân hàng giải ngân cho bà T vay với số tiền là 157.500.000 đồng. Ngân hàng cung cấp cho Tòa án Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 (bl số 3 đến bl số 9) để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T khai nhận bà có vay của Ngân hàng số tiền là 157.000.000đ và số tiền bà được giải ngân là 150.000.000đ. Xét, theo nội dung của giấy yêu cầu đăng ký bảo hiểm và giấy xác nhận đề ngày 09/6/2022 đều ghi nhận mục đích vay: tiêu dùng và mua bảo hiểm. Trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 ghi nhận số tiền vay là 157.500.000đ và bảo hiểm tiền vay là 7.500.000đ. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận chữ ký trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 là của bà. Bà T cũng thừa nhận khi bà vay tiền bà được tư vấn số tiền bảo hiểm khoản vay và bà xác nhận khi làm thủ tục vay tiền bà không có đóng trước khoản tiền bảo hiểm 7.500.000đ. Như vậy, có đủ cơ sở xác định số tiền 175.500.000đ ghi nhận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 là

bao gồm tiền vay để tiêu dùng là 150.000.000đ và tiền mua bảo hiểm là 7.500.000đ. Vì vậy, Ngân hàng giải ngân cho bà T số tiền 150.000.000đ sau khi trừ đi số tiền bảo hiểm khoản vay mà bà T phải nộp là 7.500.000đ là phù hợp. Do đó, việc bà T chỉ thừa nhận vay số tiền 150.000.000đ mà không thừa nhận vay số tiền 157.500.000đ là không có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét, trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 có ghi nhận: *"Thời hạn vay: 36 tháng"*; *"kỳ trả nợ gốc, lãi: khách hang phải thanh toán cho VPBank khoản nợ gốc, lãi theo kỳ hạn trả nợ và số tiền trả nợ được ghi nhận chi tiết trong lịch trả nợ"*. Theo ghi nhận của lịch trả nợ và lời khai của bà T thì định kỳ trả ngày 15 hàng tháng, 7.490.000đ (trong đó tiền lãi là 5.048.000đ; tiền gốc là 2.442.000đ). Bà T thừa nhận bà T trả định kỳ được 12 tháng thì không trả nữa. Trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 có ghi nhận: *"trường hợp tôi không thanh toán đúng hạn các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính ....thực hiện các biện pháp thu hồi nợ để yêu cầu khách hàng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho vay"*. Tại khoản 1 Điều 7 của Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tạo VPBank quy định: *"KH hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, KH sẽ không được VPBank giải ngân, sẽ bị VPBank chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho VPBank: b/ KH vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với VPBank (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa VPBank và KH tại Văn kiện tín dụng, Điều Kiện Giao Dịch Chung này và các văn bản thỏa thuận liên quan"*. Như vậy, do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ 123.392.216 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Nguyên đơn khai nhận quá trình thực hiện hợp đồng bà T đã thanh toán số tiền lãi cho Ngân hàng với số tiền là 55.847.100 đ. Sau đó, bà T không thực hiện nghĩa vụ đóng tiền lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận từ ngày 15/11/2023. Nay, Ngân hàng yêu cầu bà T trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 15/11/2023 đến ngày xét xử. Xét, theo nội dung của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 thì lãi suất cho vay: 39%/ năm. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *"Lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận…. Khi giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng, Tòa án áp dụng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng để giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2005, Bộ luật Dân*

sự năm 2015 để xác định lãi, lãi suất". Tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này".* Theo nội dung của Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 thì lãi suất cho vay: 39%/ năm. Tại khoản 2 Điều 6 của Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tạo VPBank quy định: *"Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi KH thanh toán hết nợ gốc quá hạn".* Xét, các bên tự nguyện thỏa thuận việc tính lãi tại hợp đồng tín dụng là không vi phạm điều cấm của pháp luật về giao dịch tín dụng. Do đó, có giá trị ràng buộc quyền, nghĩa vụ trả lãi của các bên. Vì vậy, căn cứ vào khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng.

[5] Về các nội dung khác:

[5.1] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 củaNghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận."*. Do đó, bị đơn bà T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận

[5.2] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.
- Căn cứ vào Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Căn cứ vào Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Buộc bị đơn bà Hoàng Thị T trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền gốc 123.392.216 đồng, tiền lãi tính đến ngày 08/9/2025 là 151.991.110 đồng. Tổng cộng số tiền bà Hoàng Thị T phải trả là 275.383.326 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử số LD2216600270 ngày 09/6/2022 và Điều kiện giao dịch chung cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.769.166 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh V số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp 6.083.303 đồng theo biên lai thu tiền số 0028637 lập ngày 18 tháng 7 năm 2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/9/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh